

Số: **01** /2019/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **20** tháng **01** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển  
rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/ 6/ 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**2. Đối tượng áp dụng**

a) Đối tượng cung ứng dịch vụ



Các đơn vị sự nghiệp nhà nước; các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động kinh doanh thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Đối tượng sử dụng dịch vụ

Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn nơi có tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

3. Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

a) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Hộ gia đình		
a	Hộ gia đình không sản xuất kinh doanh		
	- Thành phố Đông Hà		
	+ Các phường khu vực nội thị	Đồng/hộ/tháng	30.000
	+ Các khu vực còn lại	Đồng/hộ/tháng	24.000
	- Thị xã Quảng Trị		
	+ Các phường khu vực nội thị	Đồng/hộ/tháng	24.000
	+ Các khu vực còn lại	Đồng/hộ/tháng	20.000
	- Thị trấn	Đồng/hộ/tháng	20.000
b	Hộ gia đình, cá nhân có sản xuất kinh doanh		
	- Có khối lượng rác thải dưới 0,5m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/hộ/tháng	85.000
	- Có khối lượng rác thải từ 0,5m <sup>3</sup> đến 01m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/hộ/tháng	150.000
	- Có khối lượng rác thải lớn hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/m <sup>3</sup>	220.000
2	Hộ kinh doanh nhà trọ	Đồng/hộ/tháng	Mức thu như hộ không SXKD + 10.000 đồng/phòng trọ
3	Cơ quan, đoàn thể, đơn vị vũ trang, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, nhà trẻ, trường học		
a	Lượng rác thải ít hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/tháng	135.000
b	Lượng rác thải bằng hoặc lớn hơn 01m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/m <sup>3</sup>	200.000



TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
4	Khu vực sản xuất kinh doanh dịch vụ và cơ sở khám chữa bệnh		
	- Có khối lượng rác thải dưới 0,5m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/tháng	165.000
	- Có khối lượng rác thải từ 0,5m <sup>3</sup> đến 01m <sup>3</sup> /tháng	Đồng/tháng	220.000
	- Có khối lượng rác thải trên 01m <sup>3</sup>	Đồng/m <sup>3</sup>	220.000
5	Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm: có hợp đồng cụ thể	Đồng/tấn	250.000
6	Khu vực nông thôn áp dụng cho những nơi có tổ chức dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải		
a	Hộ gia đình, cá nhân không sản xuất kinh doanh	Đồng/hộ/tháng	15.000
b	Hộ gia đình, cá nhân có sản xuất kinh doanh	Đồng/hộ/tháng	25.000

b) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

#### 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu

a) Việc thu tiền sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải có biên lai, hóa đơn thu tiền đúng theo quy định; phải có hợp đồng giữa tổ chức thu tiền dịch vụ với tổ chức sử dụng dịch vụ.

b) Tổ chức, đơn vị thu tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ánh việc thu, nộp và quản lý, sử dụng nguồn thu, nộp thuế theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan triển khai, xác định, phân loại các đối tượng được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn để áp dụng mức thu theo đúng quy định.

2. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt phải niêm yết công khai tại địa điểm thu về nội dung thu, mức giá thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu, thực hiện thu theo giá niêm yết nhưng không vượt quá mức giá tối đa được quy định tại quyết định này;

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **01 /02/2019**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT/HĐND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TM<sub>2b</sub>

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**